

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 149/2022/HSPT
Ngày: 16 - 6 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr, ông Hoàng Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 120/2022/TLPT-HS ngày 11 tháng 5 năm 2022, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn L, Đoàn Ngọc S, Vũ Mạnh C, Trần Văn S1, Phạm Xuân S2, Nguyễn Ngọc Q, Tô Văn P, Vũ Mạnh C, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Hữu N, Lê Xuân T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 04/2022/HSST ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn L, sinh ngày: 25/02/1988; tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; tôn giáo: Công giáo; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Đình B, sinh năm 1950 (hiện nay đã chết) và bà Dương Thị Đ, sinh năm 1954, bị cáo có vợ là Lê Thị Mai D, sinh năm 1993 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019, hiện vợ con bị cáo đang sinh sống tại Thôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2018 Nguyễn Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 27/12/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng (đã chấp hành xong vào ngày 27/4/2020);

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/6/2021 đến ngày 29/6/2021 được trả tự do và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Đoàn Ngọc S, sinh ngày 04/4/1981, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; tôn giáo: Công giáo; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;

trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Phan Ngọc A, sinh năm 1960 và bà Đoàn Thị P1, sinh năm 1962; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1986 (đã ly hôn), có 02 người con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2011 hiện vợ con bị cáo đang cư trú tại đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: 01 tiền án về tội Đánh bạc: Ngày 02/10/2016 phạm tội “Đánh bạc”, ngày 19/01/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Đắk Nông xử phạt tiền 10.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt tiền và chưa đóng án phí dân sự sơ thẩm);

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/10/2021 đến ngày 27/12/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Vũ Mạnh C (C KIỆN), sinh ngày: 18/10/1985, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; con ông Vũ Đình T1, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962; bị cáo có vợ là Vũ Thị Thanh K, sinh năm 1985, có 02 người con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; hiện vợ con bị cáo đang cư trú tại thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 11/5/2006 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, ngày 12/10/2006 bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 01 năm tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 20/5/2007.

Ngày 09/9/2009 phạm tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 12/4/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 06/01/2011.

Ngày 25/8/2012, bị Công an phường E, thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” (bị can đã nộp phạt ngày 10/9/2012).

Ngày 12/4/2013 phạm tội “Cố ý gây thương tích”, ngày 20/11/2013 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 02 năm 06 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 20/02/2016.

Bị bắt tạm giam từ ngày 29/10/2021 đến ngày 15/01/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Văn S1, sinh ngày: 01/01/1977 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; con ông Trần Văn T3, sinh năm 1943 (hiện nay đã chết) và bà Trần Thị Q1, sinh năm

1947; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị H2, sinh năm 1977, có 04 người con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2008; hiện vợ con bị cáo đang cư trú tại thôn A, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 28/6/2012 phạm tội “Đánh bạc”, ngày 27/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, khẩu trừ thời gian bị tạm giam, nên thời gian thử thách 01 năm 09 tháng 08 ngày. Bị cáo đã chấp hành xong vào ngày 24/7/2015.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. **Phạm Xuân S2**, sinh ngày: 10/10/1990, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; con ông Phạm Xuân L, sinh năm 1969 và bà Võ Thị H2, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án tiền sự: 01 tiền sự về hành vi đánh bạc. Ngày 13/8/2020, bị Công an xã E, huyện C xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (bị cáo đã nộp phạt ngày 01/9/2020);

Nhân thân: Ngày 28/01/2012, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Hiếp dâm”. Ngày 01/3/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đình chỉ vụ án, đình chỉ điều tra bị cáo. Lý do: Người bị hại đã rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. **Nguyễn Ngọc Q**, sinh ngày: 01/01/1983 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; con ông Nguyễn Ngọc T3, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962 (hiện nay đã chết); bị cáo có vợ tên Dương Thị V, sinh năm 1986 (hiện nay đã chết); có 04 người con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: 01 tiền sự về hành vi đánh bạc. Ngày 15/8/2020, bị Công an xã E, huyện C xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (bị cáo đã nộp phạt ngày 31/8/2020);

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. **Tô Văn P**, sinh ngày: 03/4/1986, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Làng G, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; tôn giáo: Công giáo; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Tô Hữu N, sinh năm

1942 (hiện nay đã chết) và bà Vũ Thị M, sinh năm 1947; bị cáo có vợ là Bùi Thị H4, sinh năm 1992, có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2017 hiện vợ con bị cáo đang cư trú tại làng G, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/6/2021 đến ngày 29/6/2021 được trả tự do và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Vũ Mạnh C1, sinh ngày: 17/02/1990, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; con ông Vũ Đình T1, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962; bị cáo có vợ là Lê Thị Thanh T5, sinh năm 1993, có 01 người con, con lớn sinh năm 2021, hiện vợ con bị cáo đang cư trú tại Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/6/2021 đến ngày 29/6/2021 được trả tự do và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Văn C2, sinh ngày: 13/11/1999, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Cắt tóc; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977 và bà Trần Thị H6, sinh năm 1978; bị cáo có vợ là Lê Nguyễn Ái K1, sinh năm 2002, có 01 con, sinh năm 2021, hiện vợ con bị cáo đang cư trú tại Thôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10. Nguyễn Hữu N, sinh ngày 20/5/1990, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Hữu H7, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị H8, sinh năm 1964; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1991, có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2020; hiện vợ con bị cáo đang cư trú tại thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền án: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

11. Lê Xuân T, sinh ngày: 12/6/1987 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê

Ngọc Q1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1963; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị H9, sinh năm 1995, có 03 người con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2021; hiện vợ con bị cáo đang cư trú tại: Thôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 21/6/2021, trong khi Nguyễn Văn L đang uống nước cùng Tô Văn P tại quán cà phê “B” thuộc thôn C, xã C, huyện K thì L nảy sinh ý định tổ chức đánh bạc để thu tiền xâu nên đã rủ P đánh bạc được thua bằng tiền thì P đồng ý.

Từ khoảng 10 giờ đến 12 giờ cùng ngày, L gọi điện thoại cho Tô Văn P, Vũ Mạnh C1, Nguyễn C1, Phạm Xuân S2, Nguyễn Ngọc Q, Lê Xuân T, rủ đi đánh bạc cùng thì P, T, Cường, S2, Q và C đồng ý. Sau đó, L lấy 01 cái bạt và 02 lá bài tú lơ khơ chất rô (*gồm 01 lá bài 10 rô và 01 lá bài 7 rô*) từ nhà rồi ra quán tạp hóa mua thêm các công cụ phục vụ việc đánh bạc gồm: 01 cái đĩa sứ, 01 cái chén nhựa, 01 cái kéo, sau đó điều khiển xe mô tô đi đến ngã ba gần khu vực nghĩa địa thuộc thôn A, xã C, huyện K chờ mọi người tới. Khi P đang ăn trưa cùng Đoàn Ngọc S thì nhận được điện thoại của L gọi đến báo về địa điểm đánh bạc thì P rủ S tham gia đánh bạc cùng thì S đồng ý.

P điều khiển xe mô tô đi trước và dặn S sẽ có người tới đón sau để mọi người nghĩ S cũng là người địa phương ở đây thì sẽ cho đánh bạc cùng. Đến nơi, L nhờ C2 ra chở S vào. L chọn địa điểm đánh bạc là lô cà phê của gia đình ông Trần Văn Tùng thuộc thôn A, xã C, huyện K, khi tới nơi tất cả giấu xe ở trong lô rẫy, cách địa điểm đánh bạc khoảng 100 mét đến 200 mét. Tại khu vực đánh bạc, L và T trải bạt ra đất rồi L lấy chén và đĩa ra, P dùng kéo cắt 01 lá bài tú lơ khơ thành 04 mảnh giấy hình tròn, kích thước 2cm (*con vị*) để làm công cụ đánh bạc, trong đó có một mặt có hoa văn màu xanh, mặt còn lại có nền trắng hình chất rô màu đỏ. Sau đó, S làm cái còn P, C2, S2, Q, T đặt cược.

Nguyễn Hữu N đi bê chôi cà phê cho gia đình ông T3, thấy mọi người đánh bạc thì đứng xem, sau đó ngồi xuống chiếu bạc đặt cược. Một lát sau, L nhờ C2 đi ra chỉ đường cho C vào, lúc này Vũ Mạnh C1 (em trai của C) cũng đi theo vào cùng tham gia đánh bạc. Trần Văn S1 đi làm lô ngang qua lô nhà ông T3, thấy đông người nên vào xem, S1 đứng sau lưng P và đặt cược 02 ván. L thu tiền xâu của S, P, S2 và

Q mỗi người 200.000 đồng và canh gác, canh giới. Do trời mưa, con vị bị ướt nên S vứt các con vị cũ và nhờ S1 lấy lá bài còn lại cắt thành 04 mảnh giấy hình tròn, kích thước 2cm để làm con vị mới đánh bạc; S1 cắt xong thì S cho S1 số tiền 100.000 đồng.

Các đối tượng thống nhất việc đánh bạc được thua bằng tiền Việt Nam đồng dưới hình thức “xóc đĩa” như sau: Người làm cái để 04 con vị trên đĩa và úp chén lên để xóc. Khi mở chén ra thấy 04 con vị cùng màu hoặc 02 con vị (02 cặp) cùng màu gọi là chắn, trường hợp còn lại gọi là lẻ. Vị trí đặt cược bên phải người làm cái là chắn, bên trái người làm cái là lẻ. Sau khi người làm cái xóc xong, những người tham gia đánh bạc có quyền đặt cược vào bên chắn hoặc bên lẻ với số tiền không hạn chế. Khi người đặt cược xong thì người làm cái sẽ kiểm tra tổng số tiền ở hai mặt chắn lẻ để cân đối số tiền, nếu số tiền ở hai mặt chắn, lẻ cân bằng nhau mà người làm cái không muốn thắng, thua ván bạc đó thì để những người đặt cược thắng thua với nhau trong ván bạc. Nếu số tiền giữa hai mặt chắn, lẻ chênh lệch nhau thì người làm cái có quyền lựa chọn chuyển quyền thắng thua phần tiền chênh lệch cho những người khác đặt cược (*thường gọi là bán cái*) hoặc người làm cái trực tiếp thắng thua phần tiền chênh lệch. Tuy nhiên, nếu không có ai thắng thua với số tiền chênh lệch thì người làm cái yêu cầu người đặt cược cầm phần tiền cược đó về (*bạc bị é*). Nếu người làm cái muốn thắng thua với những người đặt cược thì được quyền bán toàn bộ số tiền ở một mặt chắn hoặc mặt lẻ hoặc bán một phần tiền đặt cược còn lại cho những người đặt cược có nhu cầu thắng thua với số tiền đó. Khi không có ai thắng thua với toàn bộ số tiền đó thì người làm cái yêu cầu người đặt cược rút tiền về, còn phần tiền còn lại trên chiếu bạc người làm cái trực tiếp thắng thua một phần hoặc tất cả tùy số tiền mà người làm cái cược. Sau đó, người làm cái sẽ mở chén để xác định thắng thua, nếu kết quả trùng với bên đã bán thì người làm cái sẽ thắng số tiền đã bán, người mua thua toàn bộ phần tiền cược đã mua cho người đặt cược. Nếu kết quả ngược lại thì người làm cái sẽ thua số tiền những người đã đặt cược bên không bán và người mua sẽ thắng số tiền đã mua. Tỷ lệ thắng thua là 1:1. Với hình thức đánh bạc trên, trong suốt thời gian đánh bạc, việc thắng thua tiền là giữa các người chơi với người làm cái.

Khi tham gia đánh bạc, Tô Văn P có 2.000.000 đồng, Đoàn Ngọc S có 3.000.000 đồng, Nguyễn C2 có 2.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc Q có 3.800.000 đồng, Phạm Xuân S2 có 1.800.000 đồng, Nguyễn Hữu N có 300.000 đồng, Vũ Mạnh C1 có 700.000 đồng, Trần Văn S1 có 200.000 đồng, Lê Xuân T có 200.000 đồng và Vũ Mạnh C có 150.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Quá trình đánh bạc diễn ra liên tục đến 14 giờ 30 Phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 8.850.000 đồng và các công cụ phục vụ đánh bạc nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2022/HSST ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Các bị cáo: Đoàn Ngọc S, Vũ Mạnh C, Trần Văn S1, Phạm Xuân S2, Nguyễn Ngọc Q, Tô Văn P, Vũ Mạnh C1, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Hữu N, Lê Xuân T phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn L** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/6/2021 đến ngày 29/6/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **Đoàn Ngọc S** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/9/2021 đến ngày 27/12/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

- Xử phạt: Bị cáo **Vũ Mạnh C** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/10/2021 đến ngày 15/01/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn S1** 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt: Bị cáo **Phạm Xuân S2** 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Q** 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Tô Văn P** 10 (mười) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/6/2021 đến ngày 29/6/2021.

- Xử phạt bị cáo **Vũ Mạnh C1** 10 (mười) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/6/2021 đến ngày 29/6/2021.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C2** 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu N** 08 (tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Lê Xuân T** 07 (bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Về hình phạt bổ sung:

- Căn cứ khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Phạt Nguyễn Văn L số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng chẵn*) để sung công quỹ Nhà nước.

- Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Phạt các bị cáo Đoàn Ngọc S, Vũ Mạnh C, Trần Văn S1, Phạm Xuân S2 mỗi bị cáo phải nộp số tiền 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng chẵn*) để sung công quỹ Nhà nước.

Phạt tiền các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Tô Văn P, Vũ Mạnh C1, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Hữu N mỗi bị cáo phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng chẵn*) để sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 01/4/2022:

+ Các bị cáo Nguyễn Văn L, Đoàn Ngọc S, Vũ Mạnh C, Trần Văn S1, Phạm Xuân S2, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Hữu N, Lê Xuân T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

+ Bị cáo Tô Văn P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

+ Bị cáo Vũ Mạnh C1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Tại phiên tòa Phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo: Đoàn Ngọc S, Vũ Mạnh C, Trần Văn S1, Phạm Xuân S2, Nguyễn Ngọc Q, Tô Văn P, Vũ Mạnh C1, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Hữu N, Lê Xuân T phạm tội “Đánh bạc” là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét các mức hình phạt: Nguyễn Văn L 01 năm 09 tháng tù; Đoàn Ngọc S 01 năm 09 tháng tù; Vũ Mạnh C 01 năm 09 tháng tù; Trần Văn S1 01 năm 02 tháng tù; Phạm Xuân S2 01 năm

02 tháng tù; Nguyễn Ngọc Q 01 năm tù; Tô Văn P 10 tháng tù; Vũ Mạnh C1 09 tháng tù; Nguyễn Văn C2 09 tháng tù; Nguyễn Hữu N 08 tháng tù; Lê Xuân T 07 tháng tù mà Toà án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là có phần nghiêm khắc. Đề nghị HĐXX, áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS năm 2015 sửa đổi năm 2017, Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt. Không chấp nhận kháng cáo không áp dụng hình phạt bổ sung của bị cáo Vũ C.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn L** 01 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/6/2021 đến ngày 29/6/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **Đoàn Ngọc S** 01 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/9/2021 đến ngày 27/12/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **Vũ Mạnh C** 01 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/10/2021 đến ngày 15/01/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

- Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn S1** 11 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt: Bị cáo **Phạm Xuân S2** 11 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Q** 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C2** 07 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Tô Văn P** 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án Phúc thẩm..

- Xử phạt bị cáo **Vũ Mạnh C1** 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án Phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu N** 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo **Lê Xuân T** 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn kháng cáo cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX Phúc thẩm xét thấy:

[1]. Xét lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa là cơ bản phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận:

Vào ngày 21/06/2021 Nguyễn Văn L đã dùng điện thoại di động gọi điện rủ các Tô Văn P, Vũ Mạnh C, Nguyễn Văn C2, Phạm Xuân S2, Nguyễn Ngọc Q, Lê Xuân T tham gia đánh bạc thì các bị cáo đồng ý. Sau đó có thêm các bị cáo Đoàn Ngọc S (do P rủ), Vũ Mạnh C1 (theo C vào), Nguyễn Hữu N (đi bẻ chôi cà phê vào), Trần Văn S1 thấy đánh bạc thì vào tham gia. Các bị cáo đánh bạc với hình thức chơi xóc đĩa, được thua bằng tiền Việt N, số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc thu được trên chiếu bạc 8.850.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật. Riêng bị cáo Nguyễn Văn L không tham gia đánh bạc nhưng đã đứng ra tổ chức cho 10 bị cáo nêu trên tham gia đánh bạc, thu tiền xâu, kiếm lợi bất chính, nên tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn L, Đoàn Ngọc S, Vũ Mạnh C, Trần Văn S1, Phạm Xuân S2, Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Hữu N, Lê Xuân T và đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Tô Văn P, Vũ Mạnh C1 HĐXX thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an trong xã hội. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã gây ra.

Xét mức hình phạt: Nguyễn Văn L 01 năm 09 tháng tù; Đoàn Ngọc S 01 năm 09 tháng tù; Vũ Mạnh C 01 năm 09 tháng tù; Trần Văn S1 01 năm 02 tháng tù; Phạm Xuân S2 01 năm 02 tháng tù; Nguyễn Ngọc Q 01 năm tù; Tô Văn P 10 tháng tù; Vũ Mạnh C1 09 tháng tù; Nguyễn Văn C2 09 tháng tù; Nguyễn Hữu N 08 tháng tù; Lê Xuân T 07 tháng tù mà Toà án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 8.850.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn C2 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Vũ Mạnh C có bố được tặng huy chương chiến sĩ vẻ vang nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của nhà nước.

Riêng các bị cáo Tô Văn P, Vũ Mạnh C1, Nguyễn Hữu N, và Lê Xuân T trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Vũ Mạnh C1 có bố được tặng huy chương chiến sĩ vẻ vang; Bị cáo T bị bệnh hiểm nghèo; Bị cáo N đánh bạc với số tiền ít 300.000 đồng; Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Tô Văn P đã nộp biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt sung công quỹ nhà nước với số tiền là 10.200.000 đồng. Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà chỉ cần định ra cho các bị cáo một thời gian để bị cáo tự cải tạo, giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

Đối với kháng cáo xin không áp dụng hình phạt bổ sung của bị cáo Vũ Mạnh C1 không có căn cứ để xem xét.

[3] Về án phí hình sự Phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự Phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Văn L, Đoàn Ngọc S, Vũ Mạnh C, Trần Văn S1, Phạm Xuân S2, Nguyễn Ngọc Q, Tô Văn P, Vũ Mạnh C1, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Hữu N, Lê Xuân T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số

04/2022/HS-ST ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin về phần hình phạt.

Không chấp nhận đơn kháng cáo xin không áp dụng hình phạt bổ sung của bị cáo Vũ Mạnh C.

[2].Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn L** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/6/2021 đến ngày 29/6/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự

- Xử phạt: Bị cáo **Đoàn Ngọc S** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/9/2021 đến ngày 27/12/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **Vũ Mạnh C** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 29/10/2021 đến ngày 15/01/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

- Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn S1** 11 (mười một) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt: Bị cáo **Phạm Xuân S2** 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Q** 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C2** 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự

- Xử phạt bị cáo **Tô Văn P** 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo **Vũ Mạnh C1** 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu N** 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án Phúc thẩm.

- Xử phạt bị cáo **Lê Xuân T 06** (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Tô Văn P cho Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Vũ Mạnh C1 cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Nguyễn Hữu N, Lê Xuân T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

[3]. Về hình phạt bổ sung:

- Căn cứ khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Phạt Nguyễn Văn L số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng chẵn*) để sung ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Phạt các bị cáo Đoàn Ngọc S, Vũ Mạnh C, Trần Văn S1, Phạm Xuân S2 mỗi bị cáo phải nộp số tiền 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng chẵn*) để sung ngân sách Nhà nước.

Phạt tiền các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Tô Văn P, Vũ Mạnh C1, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Hữu N mỗi bị cáo phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng chẵn*) để sung ngân sách Nhà nước (Bị cáo Tô Văn P đã thi hành xong hình phạt bổ sung).

[4]. Về án phí hình sự Pc thẩm: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn L, Đoàn Ngọc S, Vũ Mạnh C, Trần Văn S1, Phạm Xuân S2, Nguyễn Ngọc Q, Tô Văn P, Nguyễn Văn C2, Vũ Mạnh C1, Nguyễn Hữu N và Lê Xuân T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Pc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện Cư Kuin;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Sở Tư Pháp;
- THA hình sự huyện C;
- CC THADS huyện K;
- Bị cáo; Lưu hồ sơ;
- Công thông tin điện tử Tòa án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung